

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/HS-ST

Ngày: 24-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Thẩm phán: Ông Lò Văn Lịch.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Vũ.

Bà Nguyễn Thị Khuyên.

Bà Lương Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Lò Văn B (tên gọi khác: Không), sinh năm 1999, tại huyện M, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản M, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn P (Đã chết) và bà Lương Thị S, sinh năm 1980; bị cáo có bố dượng Lò Văn C, sinh năm 1980; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị bắt tạm giam từ ngày 26/4/2019 tạm giam tại trại Tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn B: Ông Đỗ Xuân T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Cháu Lò Thị C, sinh ngày 21/8/2004 (Đã chết).

Địa chỉ: Bản M, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Lò Thị C: Bà Lương Thị S, sinh năm 1980. Địa chỉ: Bản M, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Đỗ Hữu H, sinh năm 1952. Địa chỉ: Số nhà 15, khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:* Ông Lò Văn C, sinh năm 1980. Địa chỉ: Bản M, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người phiên dịch tiếng Thái:* Ông Lường Văn C, sinh năm 2000. Địa chỉ: Tổ dân phố 16, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 25/4/2019, Lò Văn B ở nhà một mình tại bản M, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên ngủ trưa thì em ruột của B là Lò Thị C đi ăn cơm về. C nằm xem điện thoại ở đệm ngủ thứ hai theo hướng cửa đi vào, B nằm ở đệm ngủ thứ nhất cách C khoảng 1m, B ngó nhìn xem điện thoại của C. Nằm xem khoảng 5 phút, B đi sang giường của bố dượng Lò Văn C ở gian đệm thứ ba lấy 01 thanh gậy gỗ hình chữ nhật dài 65cm, các cạnh của gậy được mài hơi tròn diện 2,8cm x 2,2cm ở dưới đầu đệm, rồi quay lại vị trí đệm nằm của mình. B ngồi sát ván thùng bằng tôn cách vị trí C nằm khoảng 1,3m. Khi B đang cầm gậy bằng tay phải quay xoay gậy theo vòng tròn thì gậy quay nhanh bị tuột khỏi tay. B nhào người cầm được một đầu gậy bằng tay phải ở tầm ngang đầu, đầu gậy còn lại văng trúng vào đầu vùng đỉnh cằm trái của C gây sưng nề diện 14x13cm, trên vùng sưng nề có vết thương rách da diện 3,6x6cm. C ôm hai tay lên đầu khóc và kêu to. B nói đừng khóc để B đi lấy lá cây bịt vết thương. B đi được ba bước chân, C vùng dậy bám vào chân B và kêu cứu. B liền quay lại, dùng tay phải bóp cổ, tay trái giữ đè lên tay phải bóp chặt cổ Cương đè xuống đệm. C dùng tay cào vào cổ, gáy của B giãy giụa nhưng B vẫn bóp cổ khoảng 01 phút mới bỏ tay ra. Thấy C vẫn giãy giụa B tiếp tục dùng tay phải bóp cổ C, tay trái giữ đè lên tay phải tiếp tục bóp cổ C đè xuống đệm gây nên 02 vết hằn và xây xước da hình vòng cung ở vùng cổ phải có kích thước 0,3x0,1cm và 0,6x0,2cm; 08 vết hằn và xây xước da hình vòng cung ở vùng cổ trái thứ tự từ trên xuống dưới, kích thước vết 1(1x0,3cm); vết 2 (1,2x0,1cm); vết 3(0,6 x 0,1cm); vết 4(1,33x0,1cm); vết 5(0,4x0,3cm); vết 6(1,7x0,1cm); vết 7(1,5x0,1cm); vết 8(2x0,2cm). Khi C không cự quậy được nữa, B bỏ tay ra và kéo C về phía đệm ngủ, chỉnh tư thế nằm ngang giáp ván thùng, đầu hướng về phía cửa chính. Thấy C vẫn còn thở, B lấy 01 khăn len vắt ở xà ngang cột nhà, dùng tay quấn 3 vòng vào cổ, thắt nút lại rồi lấy đầu khăn nhét vào mồm C, lấy chân trùm kín đầu. Sau đó, B đứng dậy ra cửa nhìn xung quanh rồi B quay lại lật chăn và lấy của C 01 vòng kiềng đeo cổ, 02 vòng bạc đeo ở hai tay và 11.000 đồng ở cạnh tay trái C nằm, B lấy cất vào túi quần đang mặc, đi bộ ra ngã ba bản E, xã Q thuê ông Quảng Văn T chở xe ôm tới cửa hàng vàng bạc D thuộc khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên bán cho ông Đỗ Hữu H 01 vòng bạc kiềng và 02 vòng bạc đeo tay được 640.000 đồng. Sau đó B đã mua ma túy sử dụng và ăn tiêu hết

tiền. Ngày 25/4/2019 B trốn qua đêm ở nghỉ trang thuộc bản Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Khoảng 12 giờ ngày 26/4/2019 B đã ăn lá ngón tự tử nhưng được Công an phát hiện đưa đi cấp cứu và bị bắt giữ.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 65/TT ngày 04/5/2019 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh Điện Biên kết luận: Nguyên nhân chết của Lò Thị C là ngạt do chèn ép cơ học vùng cổ.

Bản Kết luận giám định pháp y bổ sung về mô bệnh học số 72/MBH ngày 04/5/2019 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh Điện Biên kết luận: Hình ảnh xung huyết các tạng: Não, tim, phổi, da, cơ, động mạch cảnh, ruột non.

Bản Kết luận giám định pháp y về vật gây thương tích số 136/GĐ-PY ngày 16/7/2019 kết luận: Chiếc gậy gỗ như đã mô tả ở trên có thể gây nên thương tích ở đầu vùng đỉnh chẩm trái cho Lò Thị C và phù hợp với đặc điểm hình thành dấu vết thương tích do tác động ngoại lực của vật tày gây nên như đã mô tả trong bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 65/TT ngày 04/5/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Điện Biên.

Bản Kết luận giám định số 2381/C09 -TT3 ngày 14/6/2019 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Không phát hiện thấy xác tình trùng trong mẫu ghi dịch thu ở âm đạo, cùng đồ, cổ tử cung của tử thi Lò Thị C. Không phát hiện thấy dấu vết máu bám dính trên chiếc gậy gỗ. Trên các mẫu móng tay ghi của Lò Thị C bám dính tế bào lẫn của nhiều người. Không phân tích được kiểu gen riêng biệt của từng người. Trên các mẫu móng tay ghi của Lò Văn B bám dính tế bào lẫn của nhiều người. Dấu vết máu nâu ghi thu tại vị trí số 6 là máu người và là máu của tử thi Lò Thị C.

Bản Kết luận giám định số 2368/C09-P4 ngày 16/5/2019 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Một vòng kim loại hình tròn hở, màu trắng (dạng vòng đeo cổ), hai vòng kim loại hình tròn hở, màu trắng (dạng vòng đeo tay) đều là bạc trang sức.

Kết luận giám định tài sản trong tố tụng hình sự số 1007/KL-HĐĐGTS ngày 03/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, tỉnh Điện Biên, kết luận: Một Vòng kim loại hình tròn hở (dạng vòng cổ) và Vòng kim loại hình tròn hở (dạng vòng đeo tay), có giá trị là 689.000 đồng, tiền mặt bị cáo lấy của bị hại là 11.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 700.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 15/CT-VKS-P2 ngày 18/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố đối với bị cáo Lò Văn B để xét xử về tội “*Giết người*” theo điểm b, e Khoản 1 Điều 123 và tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lò Văn B về tội “*Giết người*” và tội “*Cướp tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, e Khoản 1 Điều 123 và điểm e Khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự đề nghị tuyên bố bị cáo Lò Văn B phạm tội Giết người và Cướp tài sản.

Xử phạt bị cáo Lò Văn B với mức án từ 18 năm đến 20 năm tù về tội Giết người và xử phạt 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành án từ 25 năm đến 27 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung của cả hai tội đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Do người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS để xử lý vật chứng trong vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn B khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng và kết luận của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xem xét đến điều kiện sinh sống của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ khác, xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt của cả hai tội để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội. Về bồi thường dân sự, do người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu nên không xem xét trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Lương Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo Lò Văn B:

Tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng và bản luận tội của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Khi Lò Văn B đang cầm gậy gỗ dài 65 cm, các cạnh của gậy được mài hơi tròn diện 2,8x2,2 cm bằng tay phải quay xoay gậy theo vòng tròn thì gậy quay nhanh bị tuột khỏi tay. B nhào người cầm được một đầu gậy bằng tay phải ở tầm ngang đầu, đầu gậy còn lại văng trúng vào đầu vùng đỉnh chằm trái của C gây sưng nề diện 14x13cm, trên vùng sưng nề có vết thương rách da diện 3,6x6cm. C ôm hai tay lên đầu khóc và kêu to. B nói đừng khóc để B đi lấy lá cây bịt vết thương. B đi được ba bước chân, C vùng dậy bám và chân B và kêu cứu. B liền quay lại, dùng tay phải bóp cổ, tay trái giữ đè lên tay phải bóp chặt cổ C đè xuống đệm. C dùng tay cào vào cổ, gáy của B giãy giữa nhưng B vẫn bóp cổ khoảng 01 phút mới bỏ tay ra. Thấy C vẫn giãy giữa B tiếp tục dùng tay

phải bóp cổ C, tay trái giữ đề lên tay phải tiếp tục bóp cổ C đè xuống đệm gây nên 02 vết hằn và xây xước da hình vòng cung ở vùng cổ phải có kích thước 0,3x0,1cm và 0,6x0,2cm; 08 vết hằn và xây xước da hình vòng cung ở vùng cổ trái thứ tự từ trên xuống dưới, kích thước vết 1(1x0,3cm); vết 2(1,2x0,1cm); vết 3(0,6 x 0,1cm); vết 4(1,33x0,1cm); vết 5(0,4x0,3cm); vết 6(1,7x0,1cm); vết 7(1,5x0,1cm); vết 8(2x0,2cm). Khi C không cựa quậy được nữa, B bỏ tay ra và kéo C về phía đệm ngủ, chỉnh tư thế nằm ngang giáp ván thùng, đầu hướng về phía cửa chính. Thấy C vẫn còn thở, B lấy 01 khăn len vắt ở xà ngang cột nhà, dùng tay quấn 3 vòng vào cổ, thắt nút lại rồi lấy đầu khăn nhét vào mồm C, lấy chăn trùm kín đầu. Sau đó, B đứng dậy ra cửa nhìn xung quanh rồi B quay lại lật chăn và lấy của C 01 vòng kiềng đeo cổ, 02 vòng bạc đeo ở hai tay và 11.000 đồng ở cạnh tay trái C nằm, B lấy cất vào túi quần đang mặc, đi bộ ra ngã ba bản E, xã Q thuê ông Quảng Văn T chở xe ôm tới cửa hàng vàng bạc D thuộc khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên bán cho ông Đỗ Hữu H 01 vòng bạc kiềng và 02 vòng bạc đeo tay được 640.000 đồng, tổng tài sản bị cáo Lò Văn B chiếm đoạt của bị hại là 700.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản thực nghiệm điều tra; Biên bản khám nghiệm tử thi; Kết luận giám định pháp y về tử thi số: 65/TT ngày 04/5/2019; Kết luận giám định pháp y về vật gây thương tích số: 136/GĐ-PY ngày 16/7/2019; Bản kết luận giám định bổ sung về mô bệnh học số 72/MBH ngày 04/5/2019 của Trung tâm pháp y, Sở Y tế tỉnh Điện Biên; Kết luận giám định số 2381/C09-TT3 ngày 14/6/2019; Bản kết luận giám định số 2368/C09-P4 ngày 16/5/2019 của Viện Khoa học kỹ thuật hình sự - Bộ Công an; Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 1007KL-HĐĐGTS ngày 03/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Điện Biên. Phù hợp với Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lò Văn B đã phạm tội “*Giết người*” theo quy định tại Điều 123 và tội Cướp tài sản theo quy định tại Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lò Văn B về tội “*Giết người*” theo quy định tại Điều 123 và tội Cướp tài sản theo quy định tại Điều 168 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo đã thực hiện hành vi giết cháu Lò Thị C sinh ngày 21/8/2004, ngay sau đó bị cáo đã chiếm đoạt của Lò Thị C 01 vòng cổ, 02 vòng tay bằng bạc trị giá 689.000 đồng và 11.000 đồng, hành vi đó của bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt phạm tội Cướp tài sản đối với người dưới 16 tuổi theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 168 và tội Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm

trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại điểm b và điểm e Khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét về tính chất của vụ án thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu và tính mạng, sức khỏe của bị hại Lò Thị C; làm mất trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần phải bị xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo phạm tội lần đầu và chưa bị xét xử về một tội danh nào khác.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, người đại diện hợp pháp của bị hại cũng có đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là chưa phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Bởi vì, giữa bị cáo Lò Văn B và bị hại Lò Thị C có quan hệ là anh em ruột, lúc đầu khi bị cáo gây thương tích cho em mình, bị cáo định đi lấy lá cây để trị vết thương, bị hại Lò Thị C đã xin bị cáo cứu giúp, bị cáo Lò Văn B không những không cứu giúp mà đã dùng tay bóp vào cổ, lấy khăn quấn vào cổ và dùng chân phủ lên người của bị hại Lò Thị C, sau đó lại tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại Lò Thị C. Đối với tài sản cướp được bị cáo đã sử dụng vào việc đi mua ma túy phục vụ cho bản thân. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt tù không thời hạn đối với tội Giết người và mức hình phạt tù có thời hạn như đề nghị của Kiểm sát viên đối với tội Cướp tài sản mới đủ sức răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo. Do bị cáo Lò Văn B đã phạm hai tội nên cần áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại Khoản 4 Điều 123 Bộ luật Hình sự: Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm; Khoản 6 Điều 168 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Nhưng do nghề nghiệp của bị cáo là lao động tự do và không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo Khoản 4 Điều 123 và Khoản 6 Điều 168 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Lương Thị S không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với gậy gỗ bị cáo đã dùng để đánh vào bị hại và những vật chứng khác, do đó Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận.

Đối với tài sản và điện thoại di động của bị hại cần trả lại cho người đại diện hợp pháp của bị hại.

[8] Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn B.

Đối với Đỗ Hữu H là chủ cửa hàng vàng bạc đã mua vòng bạc của bị cáo Biên, trước khi mua không biết số vòng bạc trên là do phạm tội mà có nên không cấu thành tội phạm. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với Quàng Văn T là người chở Biên đi bán vòng bạc tại cửa hàng vàng bạc D. Qua điều tra xác định T không biết mục đích và hành vi của B, nên không đề cập xử lý. Ngoài ra hồ sơ thể hiện: Lò Văn B có thuê Quàng Văn T, Quàng Văn N chở đi xe máy một đoạn đường và đi cùng Cà Văn D mua ma túy. Do T và N không biết chở B và D là đi đâu, làm gì nên không đề cập xử lý. Đối với Cà Văn D là người trực tiếp mua ma túy, hiện D vắng mặt tại địa bàn nên Cơ quan điều tra sẽ điều tra, làm rõ và xử lý sau. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, e Khoản 1 Điều 123 và điểm e Khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn B (tên gọi khác: Không) phạm tội “*Giết người*” và “*Cướp tài sản*”.

2. Áp dụng điểm b, e Khoản 1 Điều 123; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn B tù chung thân về tội Giết người.

- Áp dụng điểm e Khoản 2 Điều 168; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn B 07 (Bảy) năm tù về tội Cướp tài sản.

- Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội “*Giết người*” và “*Cướp tài sản*” buộc bị cáo Lò Văn B phải chấp hành hình phạt chung là tù Chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/4/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

* *Tịch thu tiêu hủy:*

- 01 (Một) chiếc áo sơ mi dài tay màu trắng được cho vào hộp niêm phong bì catong có chữ thức uống dinh dưỡng từ sữa có kích thước chiều dài khoảng 30cm, chiều rộng khoảng 15cm.

- 01 (Một) Quần Soóc màu đen, 01 Quần Xịp trên cạp xịp có chữ JOCKEY quần màu đen.

- 01 (Một) Phong bì thư bưu điện phát hành. Mặt trước phong bì thư có ghi: Thu 01 mảnh dây kim loại vụ Lò Thị C ngày 25/4/2019.

- 01 (Một) Phong bì thư bưu điện phát hành. Mặt trước phong bì thư có ghi: Thu 01 mảnh dây kim loại màu trắng vụ Lò Thị C ngày 25/4/2019.

- 01 (Một) Phong bì thư bưu điện phát hành. Mặt trước phong bì thư có ghi: Thu 01 kim loại dạng dao lam vị trí số 18.

- 01 (Một) Phong bì thư bưu điện phát hành. Mặt trước phong bì có ghi: “Thu vết máu màu nâu vị trí số 1”.

- 01 (Một) Phong bì thư bưu điện phát hành. Mặt trước phong bì có ghi: “Thu vết máu màu nâu vị trí số 2”.

- 01 (Một) Phong bì thư bưu điện phát hành. Mặt trước phong bì có ghi: “Thu vết máu màu nâu vị trí số 3”.

- 01 (Một) Phong bì thư bưu điện phát hành. Mặt trước phong bì có ghi: “Thu vết máu màu nâu vị trí số 4”.

- 01 (Một) Phong bì thư bưu điện phát hành. Mặt trước phong bì có ghi: “Thu vết máu màu nâu vị trí số 5”.

- 01 (Một) Phong bì thư bưu điện phát hành. Mặt trước phong bì có ghi: “Thu vết máu màu nâu vị trí số 7”.

- 01 (Một) Phong bì thư bưu điện phát hành. Mặt trước phong bì có ghi: “Thu vết máu màu nâu vị trí số 8”.

- 01 (Một) Phong bì thư bưu điện phát hành. Mặt trước phong bì có ghi: “Thu vết máu màu nâu vị trí số 9”.

- 01 (Một) 01 con dao cắm cho vào túi ni long quần lại, trên tờ giấy trắng có ghi: “Con dao cắm thu ngày 25/4/2019”.

- 01 (Một) gậy gỗ cho vào túi niêm phong dán kín các mép. Mặt trước túi niêm phong ghi: “Vật chứng gồm 01 (một) chiếc gậy gỗ trong vụ án Giết người, Cướp tài sản, xảy ra ngày 25/4/2019 tại: Bản M, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên”

- 01 (Một) túi niêm phong. Mặt trước túi niêm phong ghi: “Vật chứng gồm 01 (một) chiếc khăn len trong vụ án Giết người, Cướp tài sản, xảy ra ngày 25/4/2019 tại: Bản M, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên”.

- 01 (Một) Áo đen vị trí số 20 thu ngày 25/4/2019.

- 01 (Một) Chăn màu hồng thu ngày 25/4/2019.

- 01 (Một) hộp niêm phong dán kín. Trên mép dán có dán tờ giấy trắng ghi “Quần áo nạn nhân Lò Thị C thu ngày 25/4/2019”.

- 01 (Một) phong bì Công văn Bộ Công an, Tổng cục cảnh sát. Mặt trước phong bì công văn ghi “Mẫu vật hoàn lại sau giám định theo kết luận giám định số 2381/C09(TT3) ngày 14/6/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an”.

*** Trả lại cho người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Lương Thị S:**

- 01 (Một) chiếc điện thoại màu đen cho vào phong bì được dán kín các mép lại. Mặt trước phong bì có ghi: “01 Chiếc điện thoại Coolpod ngày 25/4/2019”.

- Một vòng kim loại hình tròn hở, màu trắng (dạng vòng đeo cổ), hai vòng kim loại hình tròn hở, màu trắng (dạng vòng đeo tay) đều là bạc trang sức, được niêm phong trong 01 (Một) Phong bì thư công văn Bộ Công an – Tổng cục cảnh sát. Mặt trước ghi “Mẫu vật hoàn lại sau giám định theo kết luận giám định 2368/C09(P4) ngày 16/4/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an”.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 19/9/2019).

4. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn B.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/10/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã nơi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Q (Thông báo);
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn